

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1969; HKTT: Số 129 tổ 8, ấp X, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1967; HKTT: Số 129 tổ 8, ấp X, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Vũ Thị Kim A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn B chung sống với nhau từ năm 1986. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng

ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc, ông B và bà A cũng đã sống ly thân được khoảng 15 năm. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông Nguyễn Tấn B):

Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 14/4/2021; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Kim E; Nguyễn Thị Kim C; bản tự khai; Giấy Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Vũ Thị Kim A; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, biên bản xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Tấn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 1986 (trước ngày 03/01/1987), không đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn được xác định là hôn nhân thực tế được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2021 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “Về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình”.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”.

[1.2] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 1986. Hôn nhân tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Như đã nhận định ở trên, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Qua xác minh thực tế xác định được nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân được 15 năm. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Cả nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ (là vợ, là chồng) của mình, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, đã không sống chung (ly thân) với nhau 15 năm. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, bị đơn không cung cấp ý kiến về các yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó, hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên đơn. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1992. Các con chung đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân; các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2021 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “Về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị Kim A đối với ông Nguyễn Tấn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, bà Vũ Thị Kim A không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị Kim A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Vũ Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045907 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn